| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH TÂN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Văn Sương

2. Ông Nguyễn Hoàng Hạnh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **T**, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu vực B, phường B1, quận M, thành phố Cần Thơ (có mặt).

*2. Bị đơn:* Anh **S**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2022 nguyên đơn chị T trình bày:* Chị và anh S qua mai mối, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012. Đăng ký kết hôn ngày 24/10/2012 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền + mặt 06 chỉ vàng 24K, 01 tấm lắc 03 chỉ vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K; vợ chồng đã bán tấm lắc, đôi bông, dây chuyền + mặt để làm ăn và lo cho con; hiện còn nhẫn cưới. Có 01 con chung tên T1, sinh ngày 02/8/2013, hiện sống với chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Trong quá

trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, anh S không lo làm ăn mà nhậu say xỉn kiếm chuyện cự cãi với chị; thậm chí đến năm 2019 anh S nhậu say xỉn về đánh chị trong khi chị đang bế con, anh giành con rồi đập đầu con vào tường và còn lấy dao đòi chặt đầu chị, sau đó anh S bỏ về nhà cha mẹ anh sống, chị trực tiếp nuôi con, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh S. Về con chung: T1, sinh ngày 02/8/2013, chị yêu cầu giải quyết cho chị được quyền nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2022 bị đơn anh S trình bày:* vào năm 2012 anh và chị T do quen biết nên được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới 10 chỉ vàng 24K, vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột anh ở ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Khi chị T mang thai, gần đến ngày sinh chị T về Cần Thơ sống cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Anh chị có 01 con chung tên T1, sinh ngày 02/8/2013. Khi sống chung, vợ chồng có một số tài sản chung nhưng anh không tranh chấp và giao lại toàn bộ cho chị T quản lý sử dụng vì hiện tại anh đã về sống chung với mẹ ruột. Anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ; anh yêu cầu giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn; về con chung: T1, sinh ngày 02/8/2013 anh thống nhất theo nguyện vọng của con, nếu con sống với mẹ thì anh đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: anh và chị T tự thỏa thuận; về nợ chung: không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2022 cháu T1 trình bày:* cha cháu tên S, mẹ cháu tên T; cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

- *Tại phiên tòa*:

*Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh S. Về con chung: giao T1, sinh ngày 02/8/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh S chưa

phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh S, anh S có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh S tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh S vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ năm 2019 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: T1, sinh ngày 02/8/2013.

Chị T yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị T và anh S không còn sống chung, chị T là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; cháu T1 có nguyện vọng sống với mẹ; đồng thời anh S đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị Tiên không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh S.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung T1, sinh ngày 02/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị T và anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị T nộp theo biên lai thu số 0013884 ngày 08/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị T đã nộp đủ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Kim Ngân**

*Nơi nhận*:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Tân An Thạnh Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.